

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2019

**DANH SÁCH ĐIỂM THI**

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN  
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 46, TẠI TRƯỜNG

| STT | Họ và tên           | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|---------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 1   | Doãn Tuấn Anh       | 1        | 06          | 7.0         | Bảy      |          |
| 2   | Vũ Ngọc Anh         | 2        | 05          | 8.0         | Tám      |          |
| 3   | Trần Quang Bách     | 3        | 04          | 7.0         | Bảy      |          |
| 4   | Trần Ngọc Bích      | 4        | 03          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 5   | Phạm Thúy Biên      | 5        | 02          | 7.0         | Bảy      |          |
| 6   | Nguyễn Thanh Bình   | 6        | 01          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 7   | Bùi Đức Cảnh        | 7        | 12          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 8   | Lô Thị Phương Châm  | 8        | 11          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 9   | Đỗ Tiến Doanh       | 9        | 10          | 7.0         | Bảy      |          |
| 10  | Đặng Quang Dũng     | 10       | 09          | 8.0         | Tám      |          |
| 11  | Kiều Việt Dương     | 11       | 08          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 12  | Nguyễn Thiên Đô     | 12       | 07          | 8.0         | Tám      |          |
| 13  | Nguyễn Tiến Giang   | 13       | 18          | 7.0         | Bảy      |          |
| 14  | Trạc Thị Vân Hà     | 14       | 17          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 15  | Dương Thu Hà        | 15       | 16          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 16  | Vũ Thị Hằng         | 16       | 15          | 8.0         | Tám      |          |
| 17  | Lê Thị Thúy Hằng    | 17       | 14          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 18  | Nguyễn Thị Thu Hằng | 18       | 13          | 7.0         | Bảy      |          |
| 19  | Nguyễn Thị Thu Hằng | 19       | -           | -           | -        | Thôi học |
| 20  | Tạ Thị Thu Hiền     | 20       | 24          | 8.0         | Tám      |          |
| 21  | Nguyễn Tất Hiên     | 21       | 23          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 22  | Nguyễn Thị Hoa      | 22       | 22          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |



| STT | Họ và tên              | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 23  | Nguyễn Thị Thu Hòa     | 23       | 21          | 7.0         | Bảy      |         |
| 24  | Hoàng Thu Hoài         | 24       | 20          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 25  | Vũ Viết Hoàn           | 25       | 19          | 7.0         | Bảy      |         |
| 26  | Trịnh Duy Huân         | 26       | 30          | 8.0         | Tám      |         |
| 27  | Dương Thị Ngọc Huệ     | 27       | 29          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 28  | Trần Thị Huệ           | 28       | 28          | 8.0         | Tám      |         |
| 29  | Phạm Đức Hùng          | 29       | 26          | 7.0         | Bảy      |         |
| 30  | Hoàng Quang Huy        | 30       | 27          | 7.0         | Bảy      |         |
| 31  | Nông Nhật Huy          | 31       | 33          | 7.0         | Bảy      |         |
| 32  | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 32       | 25          | 8.0         | Tám      |         |
| 33  | Phạm Trung Kiên        | 33       | 36          | 8.0         | Tám      |         |
| 34  | Mông Thị Liên          | 34       | 35          | 8.0         | Tám      |         |
| 35  | Nông Thị Liên          | 35       | 34          | 7.0         | Bảy      |         |
| 36  | Cao Sỹ Linh            | 36       | 31          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 37  | Nguyễn Đức Long        | 37       | 42          | 7.0         | Bảy      |         |
| 38  | Hoàng Ngọc Long        | 38       | 41          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 39  | Nguyễn Bằng Long       | 39       | 32          | 8.0         | Tám      |         |
| 40  | Tạ Huyền My            | 40       | 40          | 8.0         | Tám      |         |
| 41  | Hà Thị Hồng Nhung      | 41       | 37          | 8.0         | Tám      |         |
| 42  | Bùi Thị Hồng Nhung     | 42       | 39          | 7.0         | Bảy      |         |
| 43  | Dương Văn Phong        | 43       | 38          | 7.0         | Bảy      |         |
| 44  | Phạm Thị Thanh Phương  | 44       | 48          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 45  | Dương Quốc Phương      | 45       | 46          | 7.0         | Bảy      |         |
| 46  | Vũ Thị Phụng           | 46       | 47          | 8.0         | Tám      |         |
| 47  | Hoàng Văn Quảng        | 47       | 45          | 7.0         | Bảy      |         |
| 48  | Trần Minh Quân         | 48       | 44          | 8.0         | Tám      |         |
| 49  | Lê Thị Lệ Quyên        | 49       | 54          | 8.0         | Tám      |         |
| 50  | Phạm Trường Sinh       | 50       | 43          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 51  | Nguyễn Thị Tâm         | 51       | 53          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |

| STT | Họ và tên            | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú      |
|-----|----------------------|----------|-------------|-------------|----------|--------------|
| 52  | Tạ Văn Thái          | 52       | 52          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 53  | Nguyễn Thu Thảo      | 53       | 51          | 8.0         | Tám      |              |
| 54  | Đỗ Xuân Thắng        | 54       | 50          | 7.0         | Bảy      |              |
| 55  | Nguyễn Văn Thắng     | 55       | 49          | 7.0         | Bảy      |              |
| 56  | Vũ Đình Thi          | 56       | 60          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 57  | Dương Thị Hoài Thu   | 57       | 59          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 58  | Nguyễn Thị Minh Thu  | 58       | 58          | 8.0         | Tám      |              |
| 59  | Vũ Thị Thu           | 59       | 57          | 8.0         | Tám      |              |
| 60  | Đoàn Thị Thúy        | 60       | 56          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 61  | Lý Trần Lệ Thủy      | 61       | 55          | 8.0         | Tám      |              |
| 62  | Đinh Thị Tịnh        | 62       | 66          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 63  | Hoàng Như Trang      | 63       | 65          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 64  | Nguyễn Thị Thu Trang | 64       | 64          | 8.0         | Tám      |              |
| 65  | Lý Lê Trang          | 65       | 63          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 66  | Mai Ngọc Tú          | 66       | 62          | 7.5         | Bảy rưỡi |              |
| 67  | Ngô Minh Tuấn        | 67       | 61          | 8.0         | Tám      |              |
| 68  | Nguyễn Anh Tuấn      | 68       | 72          | 8.0         | Tám      |              |
| 69  | Đào Minh Tuấn        | 69       | 71          | 7.0         | Bảy      |              |
| 70  | Tổng văn Tuyên       | 70       | 70          | 8.0         | Tám      |              |
| 71  | Vũ Thanh Việt        | 71       | 69          | 7.0         | Bảy      |              |
| 72  | Nguyễn Văn Hóa Thuận | 72       | 68          | 7.0         | Bảy      | P. II- K40TT |
| 73  | Lý Thị Sen           | 73       | 67          | 7.5         | Bảy rưỡi | P.II-K48KTT  |

PHÒNG QLĐT & NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Phúc Ái

KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG  
TRƯỞNG KHOA



Ngô Thị Hồng Nhung

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên